

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

BẢN MÔ TẢ **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

TRÌNH ĐỘ: ĐẠI HỌC

MÃ NGÀNH: 7340101

Hà Nội, 2018

MỤC LỤC

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	3
1.1. Giới thiệu chương trình đào tạo.....	3
1.2. Thông tin chung.....	3
1.3. Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi	3
1.4. Mục tiêu của chương trình đào tạo	4
1.5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	5
1.6. Cơ hội việc làm và học tập sau đại học	6
1.7. Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp	7
II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY.....	8
2.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy.....	8
2.2. Các khối kiến thức chương trình giảng dạy	9
2.3. Danh sách học phần	10
2.4. Kế hoạch giảng dạy.....	13
2.5. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần.....	21
2.6. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo	31
III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	46
3.1. Chương trình Quản trị kinh doanh trình độ đại học.....	46
3.2. Giờ quy đổi	46
3.3. Mã các học phần	46
3.4. Giải thích các số trong dấu ngoặc đơn bên cạnh số tín chỉ:.....	47
3.5. Giải thích mục “Điều kiện”:	47

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh nhằm đào tạo Cử nhân Quản trị kinh doanh có đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khỏe tốt để có thể làm việc đạt hiệu quả ở các lĩnh vực liên quan đến hoạt động sản xuất – kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.2. Thông tin chung

Bảng 1.1. Thông tin chung về chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh

Tên chương trình đào tạo	Quản trị kinh doanh (Business administration)
Mã ngành đào tạo	7340101
Trình độ đào tạo	Đại học chính quy
Thời gian đào tạo	4 năm
Tên gọi văn bằng	Cử nhân quản trị kinh doanh
Trường cấp bằng	Trường Đại Học Lao động – Xã hội
Khoa quản lý	Quản trị kinh doanh
Số tín chỉ yêu cầu	120 tín chỉ tích lũy + 03 tín chỉ Giáo dục thể chất + 08 tín chỉ Giáo dục Quốc phòng An ninh
Website	www.uls.edu.vn
Fanpage	www.facebook.com/quantrikinhdoanhuls/
Ban hành	Quyết định số 1711/QĐ-ĐHLDXH, ngày 03 tháng 8 năm 2018.

1.3. Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi

	Trường Đại học Lao động - Xã hội	Khoa Quản trị kinh doanh
Sứ mạng	Trường Đại học Lao động - Xã hội là cơ sở giáo dục đại học công lập duy nhất của ngành Lao Động Thương binh và Xã hội trong đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao theo định hướng ứng dụng với thế mạnh là các ngành Quản trị nhân lực, Công tác xã hội, Bảo hiểm, Kế toán và Quản trị kinh doanh; là trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực kinh tế - lao động - xã hội	Thúc đẩy sự phát triển bền vững của cộng đồng thông qua việc cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, các sản phẩm đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao tri thức trong các lĩnh vực kinh tế, du lịch, quản lý và quản trị kinh doanh; đóng góp hữu hiệu vào sự phát triển và hội nhập sâu rộng của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội và đất nước.

	Trường Đại học Lao động - Xã hội	Khoa Quản trị kinh doanh
	đáp ứng yêu cầu phát triển của Ngành, đất nước và hội nhập quốc tế.	
Tầm nhìn	Đến năm 2030, Trường Đại học Lao động – Xã hội trở thành trường Đại học hàng đầu Việt Nam trong đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao thuộc lĩnh vực lao động - xã hội có kỹ năng thực hành nghề nghiệp thành thạo, năng động, sáng tạo trong công việc, đạo đức nghề nghiệp chuẩn mực; trở thành trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế có uy tín trong khu vực ASEAN	Khoa Quản trị Kinh doanh là một trong những đơn vị hàng đầu của Trường Đại học Lao động - Xã hội cung cấp hoạt động đào tạo, nghiên cứu, tư vấn chất lượng cao trong lĩnh vực quản trị và kinh doanh. Đến năm 2030, Khoa Quản trị Kinh doanh phấn đấu nằm trong danh sách 10 cơ sở đào tạo ngành quản trị kinh doanh uy tín và tốt nhất Việt Nam.
Giá trị cốt lõi	• Chuyên nghiệp. • Sáng tạo • Hội nhập	• Lấy người học làm trung tâm • Đề cao tính chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo • Phát huy tinh thần trách nhiệm và cống hiến xã hội • Coi trọng văn hóa chất lượng • Thúc đẩy hợp tác, phát triển và hội nhập quốc tế

1.4. Mục tiêu của chương trình đào tạo

1.4.1. Mục tiêu tổng quát

Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh trình độ đại học nhằm đào tạo sinh viên trở thành cử nhân Quản trị Kinh doanh có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức và sức khỏe tốt; có tư duy kinh tế, kinh doanh tổng hợp; có hiểu biết cả lý luận và thực tế chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có khả năng vận dụng những kiến thức về quản trị doanh nghiệp, quản lý kinh tế để triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh; tạo lập và phát triển doanh nghiệp góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

1.4.2. Mục tiêu cụ thể

- Về kiến thức:

Chương trình đào tạo ngành quản trị kinh doanh trang bị những kiến thức khoa

học xã hội, tự nhiên làm cơ sở; kiến thức về Kinh tế - Tài chính, Quản trị làm nền tảng; kiến thức cần thiết về ngoại ngữ, tin học và những kiến thức chuyên sâu về quản trị kinh doanh như: Quản trị chiến lược; Quản trị nguồn nhân lực; Quản trị dự án đầu tư; Quản trị tài chính doanh nghiệp; Quản trị chất lượng; Quản trị marketing; ... để có đủ khả năng thực hiện tốt các công việc đảm nhận, phát triển được năng lực quản trị các tổ chức trong điều kiện hội nhập quốc tế.

- Về kỹ năng:

Chương trình đào tạo quản trị kinh doanh rèn luyện cho người học các phẩm chất cần có của doanh nhân để làm việc một cách hiệu quả trong môi trường kinh doanh hội nhập quốc tế; có kỹ năng nhận định và phân tích tình huống, xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch kinh doanh và khả năng ra quyết định để giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn kinh doanh.

Chương trình cũng góp phần hình thành và phát triển các kỹ năng làm việc độc lập; kỹ năng phối hợp, tổ chức, điều hành hoạt động theo nhóm một cách hiệu quả. Phát triển các kỹ năng giao tiếp, đàm phán và quan hệ với công chúng. Chú trọng phát triển khả năng sử dụng tiếng Anh và tin học trong hoạt động kinh doanh và quản trị kinh doanh.

- Về thái độ

Xây dựng ý thức trách nhiệm công dân, ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong làm việc chuyên nghiệp. Chú trọng xây dựng ý thức chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước và của nơi làm việc; Có trách nhiệm và tính chuyên nghiệp cao của một nhà quản trị;

Tạo dựng tinh thần đổi mới, năng động trong hoạt động nghề nghiệp, có nếp sống lành mạnh, tự tin và cầu thị; có tinh thần phục vụ cộng đồng, hợp tác, thân thiện với đồng nghiệp và mọi người.

1.5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

- Về kiến thức:

Nắm vững và tự cập nhật những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam. Hiểu và biết cách vận dụng được khối kiến thức toán học, pháp luật đại cương, thống kê trong xây dựng, hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách có liên quan đến công việc.

Có kiến thức hội nhập kinh tế quốc tế, thị trường thế giới và môi trường kinh doanh quốc tế. Có kiến thức về thực trạng và xu hướng thay đổi về kinh tế - xã hội Việt Nam.

Có kiến thức về đường lối, chính sách và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và nhà nước. Có kiến thức pháp luật về kinh doanh.

Nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế vĩ mô, kinh tế vi mô, tài chính tiền tệ,

toán kinh tế và thống kê. Nắm vững kiến thức về nguyên lý quản trị, tâm lý học kinh doanh, khoa học hành vi và tổ chức.

Nắm vững và có khả năng vận dụng các kiến thức về quản trị chiến lược, quản trị marketing, quản trị sản xuất-tác nghiệp, quản trị chất lượng, quản trị nhân lực, quản trị tài chính-kế toán, quản trị chuỗi cung ứng, quản trị dự án đầu tư và quản trị rủi ro.

Nắm vững và có khả năng ứng dụng các kiến thức nghiệp vụ kinh doanh: Kinh doanh thương mại, nghiệp vụ thanh toán, thương mại điện tử. Có kiến thức về lựa chọn, tạo lập và phát triển doanh nghiệp.

Có kiến thức về quản trị sự thay đổi, tạo lập và phát triển văn hóa kinh doanh.

Phân tích và dự báo thị trường, định hướng hoạt động của tổ chức theo sự thay đổi của môi trường kinh doanh. Hoạch định chiến lược, chính sách, kế hoạch kinh doanh của tổ chức. Tổ chức, điều hành và kiểm soát các hoạt động kinh doanh. Giải quyết các tình huống về kinh doanh và quản trị

- Về kỹ năng

Làm việc độc lập, tự học, chủ động tìm tòi, nghiên cứu nâng cao trình độ, tự quản trị thời gian và kế hoạch công việc. Làm việc nhóm, quản trị nhóm và giải quyết xung đột trong kinh doanh.

Giao tiếp thuyết trình và đàm phán kinh doanh. Soạn thảo thành thạo tin học văn phòng, có khả năng ứng dụng một số phần mềm tin học trong quản trị kinh doanh.

Có trình độ Tiếng Anh tương đương TOEIC 450 hoặc các bài thi quốc tế có qui đổi tương đương, có thể sử dụng tiếng Anh trong các hoạt động chuyên môn.

- Về thái độ:

Tôn trọng pháp luật, có lối sống tích cực, có tinh thần tập thể, tinh thần hướng về cộng đồng. Có tinh thần trách nhiệm, kỷ luật làm việc, phong cách chuyên nghiệp.

Nhiệt tình, chủ động và sáng tạo trong công việc. Có thái độ cầu thị, ý chí phấn đấu. Tự tin, linh hoạt, quyết đoán.

1.6. Cơ hội việc làm và học tập sau đại học

1.6.1. Cơ hội việc làm

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân Quản trị kinh doanh có thể trở thành các chuyên viên làm việc tại các phòng ban chức năng của tổ chức, đặc biệt là các doanh nghiệp hoặc thư ký cho các nhà quản lý các cấp trong bộ máy quản lý của doanh nghiệp. Tùy khả năng và điều kiện cụ thể, cử nhân Quản trị kinh doanh có thể trở thành các doanh nhân hay các giám đốc điều hành chuyên nghiệp ở tất cả các loại hình tổ chức kinh doanh trong nước và nước ngoài. Một bộ phận sinh viên tốt nghiệp có thể làm công tác giảng dạy và nghiên cứu về quản trị kinh doanh tại các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp.

1.6.2. Cơ hội học tập

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Lao động – Xã hội liên thông với các chương trình nâng cao ở bậc sau đại học của các trường Đại học ở trong nước và khu vực.

1.7. Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

1.7.1. Tiêu chí tuyển sinh

Thực hiện theo đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Lao động - Xã hội

1.7.2. Quá trình đào tạo

Thực hiện theo Quyết định số 1042/QĐ-ĐHLĐXH ngày 05/8/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Lao động – Xã hội.

1.7.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

Sinh viên được Trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời kỳ bị kỷ luật ở mức đình trị học tập;
- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học đạt từ 2,00 trở lên;
- Thoả mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính; Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ theo quy định của Trường;
- Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng – An ninh và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất;
- Có đơn gửi Phòng đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học.

1.7.4. Hệ thống tính điểm

Điểm học phần

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân
- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt

A+ (9,2 – 10); A (8,5 – 9,1): Giỏi

B+ (7,7 – 8,4); B (7,0 – 7,6): Khá

C+ (6,2 – 6,9); C (5,5 – 6,1): Trung bình

D+ (4,7 – 5,4); D (4,0 – 4,6): Trung bình yếu

+ Loại không đạt

F+ (2,0 – 3,9) F (dưới 2,0): Kém

Điểm trung bình

- Mức điểm chữ của mỗi học phần được quy đổi qua điểm số (thang điểm 4) như sau:

A+: 4,0 A : 3,7

B+: 3,5 B : 3,0

C+: 2,5 C : 2,0

D+: 1,5 D : 1,0

F+: 0,5 F : 0,0

- Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A: là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

a_i : là điểm học phần thứ i

n_i : là số tín chỉ của học phần thứ i

n: là tổng số học phần

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY

2.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy

Kiến thức toàn khóa học: 120 tín chỉ tích lũy + Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) không tích lũy + Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy. Trong đó:

Bảng 2.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy ngành Quản trị kinh doanh

KHỐI KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH		SỐ TÍN CHỈ
1.1	Kiến thức giáo dục đại cương (không kể GDQP và GDTC)	39 tín chỉ
1.1.1	Kiến thức bắt buộc	28 tín chỉ
1.1.2	Kiến thức lựa chọn	02 tín chỉ
1.2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:	90 tín chỉ
1.2.1	Kiến thức cơ sở của khối ngành (bắt buộc):	12 tín chỉ
1.2.2	Kiến thức cơ sở ngành:	13 tín chỉ
1.2.2.1	Kiến thức bắt buộc:	11 tín chỉ
1.2.2.2	Kiến thức lựa chọn:	02 tín chỉ
1.2.3	Kiến thức ngành:	55 tín chỉ
1.2.3.1	Kiến thức bắt buộc:	51 tín chỉ
1.2.3.2	Kiến thức lựa chọn:	04 tín chỉ
1.2.4	Thực tập tốt nghiệp cuối khóa:	04 tín chỉ

KHỐI KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH		SỐ TÍN CHỈ
1.2.5	<i>Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế</i>	<i>6 tín chỉ</i>

2.2. Các khối kiến thức chương trình giảng dạy

2.2.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương (30 tín chỉ)

Khối kiến thức này nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản như sau:

- Tư duy toán học, có thể vận dụng các mô hình toán học thông dụng của xác suất – thống kê, toán cao cấp để đo lường, đánh giá, phân tích các đại lượng kinh tế.
- Kiến thức hệ thống triết học, kinh tế chính trị, chủ nghĩa xã hội khoa học, những kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về tư tưởng Hồ Chí Minh, lịch sử, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Có thể vận dụng các nguyên lý cơ bản, tư tưởng và đường lối để giải thích các hiện tượng, quá trình kinh tế - xã hội.
- Chính sách, pháp luật của nhà nước trong lĩnh vực kinh tế nói chung và trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và môi trường kinh doanh nói riêng.
- Các công cụ xử lý, lưu trữ thông tin thông dụng trên máy tính, các ứng dụng tin học văn phòng để giải quyết công việc hàng ngày.

2.2.2. Khối kiến thức cơ sở của khối ngành (12 tín chỉ)

Khối kiến thức này nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản như sau:

- Hệ thống các kiến thức tổng quát về kinh tế học Vĩ mô, kinh tế học Vi mô, lý thuyết tài chính tiền tệ.
- Hệ thống các kiến thức cơ bản về quản trị học, marketing, lý thuyết tổ chức cũng như pháp luật đại cương.
- Hệ thống kiến thức, vai trò, nguyên tắc cơ bản được áp dụng về nguyên lý kế toán và thống kê.

2.2.3. Khối kiến thức cơ sở ngành (13 tín chỉ)

Khối kiến thức này nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản như sau:

- Ứng dụng kiến thức nền tảng và hiện đại về kế toán quản trị nhằm cung cấp cơ hội nghề nghiệp rộng hơn cho người học cũng như phục vụ cho việc tiếp cận thêm lĩnh vực kế toán trong quá trình tổ chức kinh doanh và quản trị.
- Nắm vững kiến thức về tâm lý học để làm nền tảng cho việc ứng dụng vào hoạt động quản trị và kinh doanh.

2.2.4. Kiến thức ngành và chuyên ngành (55 tín chỉ)

Khối kiến thức này nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản như sau:

- Kiến thức nền tảng và hiện đại về quản trị chiến lược, quản trị sản xuất.
- Kiến thức nền tảng và hiện đại về quản trị marketing
- Kiến thức nền tảng và hiện đại về Quản trị chuỗi cung ứng
- Kiến thức nền tảng và hiện đại về Quản trị nhân lực
- Kiến thức nền tảng và hiện đại về Quản trị tài chính và kế toán quản trị
- Kiến thức nền tảng và hiện đại về Khởi sự kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp
- Kiến thức chuyên sâu và công cụ: Logistics, Phần mềm quản trị kinh doanh, quản trị rủi ro kinh doanh, Kỹ năng ứng xử và phòng vấn việc làm.
- Kiến thức chuyên sâu về quản trị kinh doanh: Quản trị truyền thông, quản trị dự án, Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu, tín dụng và thanh toán, Kỹ năng giao tiếp và đàm phán kinh doanh.
- Kiến thức chuyên sâu về quản trị doanh nghiệp: Quản trị chất lượng, Kỹ năng lãnh đạo và ra quyết định kinh doanh, Kỹ năng làm việc và quản trị nhóm trong kinh doanh.
- Ứng dụng các kiến thức vào học phần thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên.
- Ứng dụng kiến thức nền tảng và hiện đại về kế toán quản trị nhằm cung cấp cơ hội nghề nghiệp rộng hơn cho người học cũng như phục vụ cho việc tiếp cận thêm lĩnh vực kế toán trong quá trình tổ chức kinh doanh và quản trị.
- Nắm vững kiến thức về tâm lý học để làm nền tảng cho việc ứng dụng vào hoạt động quản trị và kinh doanh.

2.3. Danh sách học phần

Bảng 2.3. Danh sách các học phần trong chương trình giảng dạy ngành Quản trị kinh doanh

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Ghi chú
I	Kiến thức GD đại cương	30	
	<i>Các học phần bắt buộc</i>	28	
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2	
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3	
3	Tư tưởng Hồ chí Minh	2	
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt	3	

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Ghi chú
	Nam		
5	Tiếng Anh cơ bản 1	2	
6	Tiếng Anh cơ bản 2	3	
7	Tin học cơ bản 1	2	
8	Tin học cơ bản 2	2	
9	Toán cao cấp 1	2	
10	Toán cao cấp 2	2	
11	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	
12	Pháp luật đại cương	2	
13	<i>Giáo dục thể chất</i>	3	
14	<i>Giáo dục quốc phòng và an ninh</i>	8	
	<i>Các học phần tự chọn (chọn 1/4)</i>	2	
15	Soạn thảo văn bản	2	
16	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	
17	Logic học	2	
18	Tâm lý học đại cương	2	
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	90	
II.1	Kiến thức cơ sở của khối ngành	12	
19	Kinh tế vi mô	3	
20	Kinh tế vĩ mô	3	
21	Nguyên lý thống kê	2	
22	Luật Kinh tế	2	
23	Marketing căn bản	2	
II.2	Kiến thức cơ sở ngành	13	
	<i>Các học phần bắt buộc</i>	11	
24	Nguyên lý kế toán 1	2	
25	Quản trị học	2	
26	Tài chính - Tiền tệ	2	
27	Lý thuyết tổ chức	3	
28	Kinh tế quốc tế	2	
	<i>Các học phần tự chọn (chọn 1/3)</i>	2	
29	Kinh tế lượng	2	
30	Văn hóa doanh nghiệp	2	
31	Kinh tế phát triển	2	

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Ghi chú
II.3	Kiến thức ngành và chuyên ngành	55	
II.3.1	Kiến thức ngành	26	
	<i>Các học phần bắt buộc</i>	24	
32	Quản trị chiến lược	3	
33	Quản trị marketing	3	
34	Quản trị sản xuất	3	
35	Quản trị chuỗi cung ứng	3	
36	Quản trị nhân lực	3	
37	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3	
38	Kế toán quản trị	3	
39	Khởi sự kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp	3	
	<i>Các học phần tự chọn (chọn 1/2)</i>	2	
40	Quản trị sự thay đổi	2	
41	Thị trường chứng khoán	2	
II.3.2	Kiến thức chuyên ngành	12	
	<i>Các học phần bắt buộc</i>	12	
42	Quản trị truyền thông	2	
43	Quản trị dự án	2	
44	Quản trị chất lượng	2	
45	Thương mại điện tử	2	
46	Logistics	2	
47	Quản trị rủi ro kinh doanh	2	
II.3.3	Kiến thức bổ trợ	17	
	<i>Các học phần bắt buộc</i>	15	
48	Tiếng Anh chuyên ngành quản trị kinh doanh	2	
49	Thực hành TOEIC	2	
50	Phân tích và xử lý dữ liệu với SPSS	2	
51	Phần mềm quản trị kinh doanh	3	
52	Kỹ năng lãnh đạo và ra quyết định kinh doanh	2	
53	Kỹ năng giao tiếp và đàm phán kinh doanh	2	
54	Kỹ năng làm việc và quản trị nhóm trong kinh doanh	2	
	<i>Các học phần tự chọn (chọn 1/3)</i>	2	
55	Tín dụng và thanh toán	2	

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Ghi chú
56	Kỹ năng ứng xử và phỏng vấn việc làm	2	
57	Nghiep vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	2	
II.4	Thực tập, làm khóa luận	10	
	Thực tập cuối khóa	4	
	Khóa luận tốt nghiệp	6	
II.5	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp	6	
58	Kế hoạch kinh doanh	3	
59	Công ty đa quốc gia và chiến lược kinh doanh toàn cầu	3	
	Tổng cộng (Chưa tính GDTC và GDQPAN)	120	

2.4. Kế hoạch giảng dạy

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	Năm thứ I		Năm thứ II		Năm thứ III		Năm thứ IV	
			I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
I	Kiến thức GD đại cương	30								
	<i>Các học phần bắt buộc</i>	28								
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2	2							
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3		3						
3	Tư tưởng Hồ chí Minh	2				2				
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3			3					
5	Tiếng Anh cơ bản 1	2	2							
6	Tiếng Anh cơ bản 2	3		3						
7	Tin cơ bản 1	2	2							
8	Tin cơ bản 2	2		2						
9	Toán cao cấp 1	2	2							
10	Toán cao cấp 2	2	2							
11	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3		3						
12	Pháp luật đại cương	2		2						
13	<i>Giáo dục thể chất</i>	3	2	1						
14	<i>Giáo dục quốc phòng và an</i>	8	4	4						

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	Năm thứ I		Năm thứ II		Năm thứ III		Năm thứ IV	
			I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
	<i>ninh</i>									
	Các học phần tự chọn (chọn 1/4)	2								
15	Soạn thảo văn bản	2			2					
16	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2								
17	Logic học	2								
18	Tâm lý học đại cương	2								
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	90								
II.1	Kiến thức cơ sở của khối ngành	12								
19	Kinh tế vi mô	3	3							
20	Kinh tế vĩ mô	3			3					
21	Nguyên lý thống kê	2		2						
22	Luật Kinh tế	2				2				
23	Marketing căn bản	2			2					
II.2	Kiến thức cơ sở ngành	13								
	Các học phần bắt buộc	11								
24	Nguyên lý kế toán 1	2			2					
25	Quản trị học	2	2							
26	Tài chính - Tiền tệ	2							2	
27	Lý thuyết tổ chức	3			3					
28	Kinh tế quốc tế	2				2				
	Các học phần tự chọn (chọn 1/3)	2								
29	Kinh tế lượng	2				2				
30	Văn hóa doanh nghiệp	2								
31	Kinh tế phát triển	2								
II.3	Kiến thức ngành và chuyên ngành	55								
II.3.1	Kiến thức ngành	26								
	Các học phần bắt buộc	24								

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	Năm thứ I		Năm thứ II		Năm thứ III		Năm thứ IV	
			I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
32	Quản trị chiến lược	3				3				
33	Quản trị marketing	3				3				
34	Quản trị sản xuất	3					3			
35	Quản trị chuỗi cung ứng	3							3	
36	Quản trị nhân lực	3					3			
37	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3					3			
38	Kế toán quản trị	3					3			
39	Khởi sự kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp	3					3			
	<i>Các học phần tự chọn (chọn 1/2)</i>	2								
40	Quản trị sự thay đổi	2						2		
41	Thị trường chứng khoán	2								
II.3.2	Kiến thức chuyên ngành	12								
	<i>Các học phần bắt buộc</i>	12								
42	Quản trị truyền thông	2						2		
43	Quản trị dự án	2							2	
44	Quản trị chất lượng	2						2		
45	Thương mại điện tử	2						2		
46	Logistics	2						2		
47	Quản trị rủi ro kinh doanh	2						2		
II.3.3	Kiến thức bổ trợ	17								
	<i>Các học phần bắt buộc</i>	15								
48	Tiếng Anh chuyên ngành quản trị kinh doanh	2				2				
49	Thực hành TOEIC	2					2			
50	Phân tích và xử lý dữ liệu với SPSS	2							2	
51	Phần mềm quản trị kinh doanh	3							3	
52	Kỹ năng lãnh đạo và ra quyết định kinh doanh	2							2	

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	Năm thứ I		Năm thứ II		Năm thứ III		Năm thứ IV	
			I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
53	Kỹ năng giao tiếp và đàm phán kinh doanh	2						2		
54	Kỹ năng làm việc và quản trị nhóm trong kinh doanh	2						2		
	Các học phần tự chọn (chọn 1/3)	2								
55	Tín dụng và thanh toán	2							2	
56	Kỹ năng ứng xử và phòng vấn việc làm	2								
57	Nghiep vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	2								
II.4	Thực tập, làm khóa luận	10								
	Thực tập cuối khóa	4								4
	Khóa luận tốt nghiệp	6								6
II.5	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp	6								6
58	Kế hoạch kinh doanh	3								3
59	Công ty đa quốc gia và chiến lược kinh doanh toàn cầu	3								3
	Tổng cộng (Chưa tính GDTC và GDQPAN)	120	15	15	15	16	17	16	16	10

Học kỳ 1:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	15		
1	MLN10722H	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2		
2	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	2		
3	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	2		
4	TCC11122L	Toán cao cấp 1	2		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
5	TCC21122L	Toán cao cấp 2	2		
6	ViMO0523H	Kinh tế vi mô	3		
7	QTHO0522H	Quản trị học	2		
8		Giáo dục thể chất	2		Thực hiện theo QĐ 1181/QĐ-ĐHLDXH ngày 14/7/2017
9		Giáo dục quốc phòng	4		Thực hiện theo QĐ 1133/QĐ-ĐHLDXH ngày 25/5/2018
		Học phần tự chọn	0		
		Tổng cộng (chưa tính GDTC và GDQPAN)	15		

Học kỳ 2:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	15		
1	MLN20723H	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3	MLN10722H	
2	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	3	TAC10622H	
3	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	2		
4	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	2		
5	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3		
6	NLTK1322H	Nguyên lý thống kê	2	TCC11122L, TCC21122L	
7		Giáo dục quốc phòng	4		Thực hiện theo QĐ 1133/QĐ-ĐHLDXH ngày 25/5/2018

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần tự chọn	0		
8		Giáo dục thể chất	1		Thực hiện theo QĐ 1181/QĐ-ĐHLĐXH ngày 14/7/2017
		Tổng cộng (chưa tính GDTTC và GDQPAN)	15		

Học kỳ 3:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	13		
1	ĐLCM0723H	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3		
2	ViMO0523H	Kinh tế vĩ mô	3		
3	MARC0522H	Marketing căn bản	2		
4	NLK10122H	Nguyên lý kế toán 1	2		
5	LTTC0523H	Lý thuyết tổ chức	3		
		Học phần tự chọn	2		
6	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	2		Chọn 2/8 TC
7	NCKH0722L	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2		
8	LOGI0722L	Logic học	2		
9	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	2		
		Tổng cộng	15		

Học kỳ 4:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	14		
1	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ chí Minh	2	MLN10722H	
2	LKTE1022H	Luật kinh tế	2		
3	KTQT0522H	Kinh tế quốc tế	2		
4	QTCL0523H	Quản trị chiến lược	3	ViMO0523H	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
				QTHO0522H	
5	QMAR0523H	Quản trị marketing	3	MARC0522H	
6	TAKD0622H	Tiếng Anh chuyên ngành quản trị kinh doanh	2	TAC20623H	
		Học phần tự chọn	2		
6	KTLU1122H	Kinh tế lượng	2	ViMO0523H ViMO0523H TCB21222H TCC21122L XSTK1123L	Chọn 2/6 TC
7	VHDN0522H	Văn hóa doanh nghiệp	2		
8	KTPT0522H	Kinh tế phát triển	2		
		Tổng cộng	16		

Học kỳ 5:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	17		
1	QTSX0523H	Quản trị sản xuất	3	QTHO0522H	
2	QTNL0223H	Quản trị nhân lực	3		
3	TCDN0123H	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3		
4	KTQT0123H	Kế toán quản trị	3	NLK10122H	
5	KSKD0523H	Khởi sự kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp	3	ViMO0523H MARC0522H QTCL0523H	
6	TOEI0622H	Thực hành TOEIC	2		
		Học phần tự chọn	0		
		Tổng cộng	17		

Học kỳ 6:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	14		
1	QTTT0522H	Quản trị truyền thông	2	QTHO0522H QMAR0523H	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
2	QTCL0522H	Quản trị chất lượng	2		
3	TMĐT0522H	Thương mại điện tử	2	TCB21222H	
4	LGYS0522H	Logistics	2		
5	RRKD0522H	Quản trị rủi ro kinh doanh	2		
6	KNĐP0522H	Kỹ năng giao tiếp và đàm phán kinh doanh	2		
7	KNLV0522H	Kỹ năng làm việc và quản trị nhóm trong kinh doanh	2		
		Học phần tự chọn	2		
8	QTTĐ0522H	Quản trị sự thay đổi	2		Chọn 2/4 TC
9	TTCK0122H	Thị trường chứng khoán	2	ViMO0523H ViMO0523H	
		Tổng cộng	16		

Học kỳ 7:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	14		
1	TCTT0122H	Tài chính - Tiền tệ	2	MLN20723H	
2	QTCU0523H	Quản trị chuỗi cung ứng	3		
3	QTDA0522H	Quản trị dự án	2		
4	SPSS1322T	Phân tích và xử lý dữ liệu với SPSS	2	TCB21222H	
5	PMQK0523T	Phần mềm quản trị kinh doanh	3	TCB21222H	
6	KNLD0522H	Kỹ năng lãnh đạo và ra quyết định kinh doanh	2	QTHO0522H LTTC0523H	
		Học phần tự chọn	2		
7	TDTT0122H	Tín dụng và thanh toán	2		Chọn 2/6 TC
8	KNPV0522H	Kỹ năng ứng xử và phỏng vấn việc làm	2		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
10	NVKD0522H	Nghệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	2		
		Tổng cộng	16		

Học kỳ 8:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
1	TTCK0524T	Thực tập cuối khóa	4	QTCL0523H QMAR0523H QTCU0523H LGYS0522H	
2	KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp	6		
	<i>Các học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp</i>				
3	KHKD0523H	Kế hoạch kinh doanh	3		
4	CTYG0523H	Công ty đa quốc gia và chiến lược kinh doanh toàn cầu	3	MARC0522H QTCL0523H	
		Tổng cộng	10		

2.5. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần

1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1

Số tín chỉ: 02

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin phần 2

Số tín chỉ: 03

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Số tín chỉ: 02

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam

Số tín chỉ: 03

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

5. Tiếng Anh cơ bản 1

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh cơ bản trình độ đầu A2 chuẩn châu Âu, với các nội dung: Ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp; Luyện giao tiếp bằng tiếng Anh ở mức ban đầu; Trao đổi về các vấn đề học tập, cuộc sống, văn hóa, thể thao, công việc...

6. Tiếng Anh cơ bản 2

Số tín chỉ: 03

Cung cấp kiến thức tiếng Anh cơ bản trình độ giữa A2 trở lên theo chuẩn châu Âu, với các nội dung: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Luyện giao tiếp bằng tiếng Anh ở mức ban đầu, trao đổi về các vấn đề học tập, cuộc sống, văn hóa, thể thao, công việc...

7. Tin học cơ bản 1

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở nhất để có thể làm việc trên máy tính, làm việc với các phần mềm chạy trên nền Hệ điều hành Windows, trang bị kiến thức và rèn luyện kỹ năng soạn thảo và định dạng văn bản bằng Microsoft Word, kỹ năng tính toán, phân tích và tổng hợp dữ liệu bằng Microsoft Excel.

8. Tin học cơ bản 2

Số tín chỉ: 02

Học phần tin học cơ bản 2 nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về CSDL (Database), CSDL quan hệ (Relational Database) và một số hệ quản trị cơ sở dữ liệu phổ biến hiện nay.

9. Toán cao cấp 1

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản về ma trận, định thức; Hệ phương trình tuyến tính; Không gian vector và các mối liên hệ tuyến tính trong không gian vector; Cách tính định thức, tìm ma trận nghịch đảo, tìm nghiệm của hệ phương trình tuyến tính, tìm hạng, cơ sở của hệ véc tơ và cơ sở của không gian con R^n ; Ứng dụng của đại số tuyến tính trong phân tích mô hình cân bằng cung cầu, mô hình cân đối liên ngành.

10. Toán cao cấp 2

Số tín chỉ : 02 tín chỉ

Học phần gồm 3 chương, chứa đựng các kiến thức cơ bản cần thiết của giải tích và một số ứng dụng trong kinh tế: Dãy số giới hạn của dãy số; hàm số một biến số, giới hạn và tính liên tục; Đạo hàm, vi phân, tích phân của hàm số một biến số; Cực trị của hàm số một biến số; Ứng dụng của đạo hàm, tích phân trong phân tích kinh tế; Hàm số hai biến số; Đạo hàm và vi phân của hàm số hai biến số; Hàm thuần nhất; Cực

trị của hàm hai biến số; Ứng dụng của đạo hàm riêng, vi phân trong kinh tế học; Đạo hàm riêng cấp 2 và qui luật năng suất cận biên giảm dần; Hệ số co giãn; Hệ số thay thế.

11. Lý thuyết xác suất và Thống kê toán

Số tín chỉ: 03

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xác suất và thống kê toán. Học phần cũng giúp sinh viên giải quyết các bài tập xác suất và thống kê. Những kiến thức này là nền tảng giúp sinh viên học các môn học chuyên ngành về sau.

12. Pháp luật đại cương

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau: Những vấn đề cơ bản về nhà nước; Những vấn đề cơ bản về pháp luật; Pháp chế xã hội chủ nghĩa.

13. Giáo dục thể chất

Số tín chỉ: 03

Nội dung ban hành tại Quyết định số 1181/QĐ-ĐHLĐXH ngày 14/7/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội

14. Giáo dục quốc phòng và an ninh

Số tín chỉ: 08

Nội dung ban hành tại Quyết định số 1133/QĐ-ĐHLĐXH ngày 25/5/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội

15. Soạn thảo văn bản

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Lý luận chung về văn bản quản lý nhà nước; Kỹ thuật soạn thảo Quyết định cá biệt: Khái niệm, đặc điểm và kỹ thuật soạn thảo Quyết định cá biệt; Kỹ thuật soạn thảo một số văn bản hành chính thông thường.

16. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học

Số tín chỉ: 02

Học phần gồm những kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học: Làm rõ các khái niệm liên quan đến các sự vật, hiện tượng mà mình quan tâm; Phán đoán về mối liên hệ giữa các sự vật và hiện tượng; Tư duy nghiên cứu khoa học là tư duy hệ thống; Trình tự logic của nghiên cứu khoa học; Các phương pháp cơ bản để thực hiện nghiên cứu đề tài khoa học, nhất là khóa luận tốt nghiệp; Đạo đức khoa học.

17. Logic học

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Đối tượng và ý nghĩa của logic học; Khái niệm; Phán đoán; Các quy luật cơ bản của logic hình thức; Suy luận; Chứng minh và bác bỏ; Giả thuyết.

18. Tâm lý học đại cương

Số tín chỉ: 02

Tâm lý học đại cương cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học về bản chất, cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của hiện tượng tâm lý người; Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý; Khái quát sự hình thành và phát triển tâm lý người; Các tri thức cơ bản về các quá trình nhận thức, trí nhớ, tình cảm, ý chí của con người; Nhân cách và những yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành phát triển nhân cách con người.

19. Kinh tế vi mô

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Lý thuyết cung cầu về hàng hóa và dịch vụ; Độ co giãn; Lý thuyết hành vi người tiêu dùng, người sản xuất; Các cấu trúc thị trường.

20. Kinh tế vĩ mô

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Mô tả và đo lường các biến số kinh tế vĩ mô như GDP, GNP, giá cả, lạm phát, việc làm và tình trạng thất nghiệp, tiêu dùng, đầu tư, chi tiêu của chính phủ và thuế, cung cầu tiền, lãi suất, thâm hụt hay thặng dư thương mại,...

21. Nguyên lý thống kê

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này bao gồm các nội dung sau: Những vấn đề chung của Thống kê học; Thu Thập dữ liệu Thống kê; Tổng hợp Thống kê; Nghiên cứu đặc điểm, bản chất của hiện tượng kinh tế - xã hội; Phân tích hiện tượng KT-XH theo thời gian; Phân tích biến động của hiện tượng KT-XH bằng phương pháp chỉ số.

22. Luật kinh tế

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Địa vị pháp lý các chủ thể kinh doanh; Pháp luật về cạnh tranh trong kinh doanh; Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh; Pháp luật về phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

23. Marketing căn bản

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về marketing, ảnh hưởng của marketing trong doanh nghiệp, xu hướng phát triển và ứng dụng của Marketing trong xu thế toàn cầu hóa, môi trường và thông tin về marketing; Đặc tính và hành vi của khách hàng, phân đoạn thị trường, xác định thị trường mục tiêu và định vị hàng hóa

trên thị trường; Bốn công cụ chủ yếu trong hoạch định, tổ chức và thực hiện một chương trình marketing hỗn hợp.

24. Nguyên lý kế toán 1

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản của nguyên lý kế toán như khái niệm, bản chất, chức năng vai trò của kế toán, yêu cầu đối với thông tin kế toán, các nguyên tắc kế toán và phân loại đối tượng kế toán; Các phương tiện kế toán như Chứng từ kế toán, tài khoản kế toán và hệ thống Báo cáo kế toán.

25. Quản trị học

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về quản trị tổ chức; Các lý thuyết quản trị; Môi trường quản trị; Quyết định quản trị; Chức năng lập kế hoạch; Chức năng tổ chức; Chức năng lãnh đạo; Chức năng kiểm soát.

26. Tài chính tiền tệ

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tài chính và thị trường tài chính; Tiền tệ, lãi suất và tỷ giá hối đoái; Ngân hàng trung ương; Ngân hàng thương mại; Thanh toán qua ngân hàng thương mại

27. Lý thuyết tổ chức

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Khái quát chung về giới thiệu về tổ chức và lý thuyết tổ chức; Mục tiêu, chiến lược và thiết kế cấu trúc tổ chức; Các yếu tố hệ thống bên ngoài tổ chức; Các yếu tố bên trong tổ chức ảnh hưởng tới thiết kế tổ chức; Quản lý quá trình hoạt động của tổ chức; Nghiên cứu sự đổi mới và các thay đổi trong tổ chức.

28. Kinh tế quốc tế

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về: Cơ sở, quá trình hình thành hoạt động kinh tế quốc tế; Hệ thống những lý thuyết về thương mại quốc tế, di chuyển các nguồn lực quốc tế, cán cân thanh toán và thị trường tiền tệ quốc tế, liên kết và hội nhập quốc tế; Các hoạt động kinh tế quốc tế của Việt Nam.

29. Kinh tế lượng

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp lượng hoá một mô hình kinh tế, hiểu cơ sở khoa học và kỹ thuật hồi quy đơn biến, đa biến; Giới thiệu một số kỹ thuật cơ bản trong việc sử dụng kinh tế lượng trong việc nghiên cứu và phân tích kinh tế.

30. Văn hóa doanh nghiệp

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về văn hóa doanh nghiệp; Các yếu tố ảnh hưởng tới văn hóa doanh nghiệp; Các biểu hiện của văn hóa doanh nghiệp và các dạng văn hóa doanh nghiệp; Văn hóa trong các hoạt động kinh doanh; Xây dựng và duy trì văn hóa doanh nghiệp.

31. Kinh tế phát triển

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Đối tượng của môn Kinh tế phát triển; Lý luận phát triển và phát triển bền vững nền kinh tế; Các mô hình tăng trưởng kinh tế; Tính tất yếu và xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế, các mô hình lý thuyết về xu hướng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế; Khía cạnh xã hội trong quá trình phát triển.

32. Quản trị chiến lược

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp những kiến thức sau: Tổng quan về Quản trị chiến lược; Phân tích môi trường kinh doanh; Phân tích môi trường nội bộ doanh nghiệp;

Xây dựng lợi thế cạnh tranh; Các loại chiến lược trong kinh doanh; Lựa chọn và thực hiện chiến lược; Đánh giá và điều chỉnh chiến lược.

33. Quản trị marketing

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Khái quát về marketing và quản trị marketing, Xây dựng kế hoạch chiến lược marketing, Hệ thống thông tin và nghiên cứu marketing, Phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu, Hoạch định chiến lược marketing, Quản trị các chương trình marketing – mix, Tổ chức, thực hiện và điều khiển các hoạt động marketing.

34. Quản trị sản xuất

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Giới thiệu chung về quản trị sản xuất; Dự báo nhu cầu sản phẩm; Thiết kế sản phẩm và lựa chọn quy trình sản xuất; Hoạch định công suất; Định vị doanh nghiệp và bố trí sản xuất trong doanh nghiệp; Hoạch định tổng hợp; Điều độ sản xuất trong doanh nghiệp; Quản trị dự trữ.

35. Quản trị chuỗi cung ứng

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Giới thiệu về Quản trị chuỗi cung ứng; Quản trị hậu cần; Quản trị hàng tồn kho; Liên kết chuỗi cung ứng; Các vấn đề quốc tế và phối hợp quốc tế; Giá trị khách hàng qua chuỗi cung ứng.

36. Quản trị nhân lực

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan về quản trị nhân lực: Bản chất, vai trò, chức năng của quản trị nhân lực; Các quan điểm, các học thuyết của quản trị nhân lực; Các nghiệp vụ cơ bản của quản trị nhân lực: hoạch định nhân lực, tuyển dụng nhân lực, đánh giá thực hiện công việc, đào tạo nhân lực và quản trị thù lao.

37. Quản trị tài chính doanh nghiệp

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về Quản trị tài chính doanh nghiệp; Quản trị tài sản ngắn hạn; Quản trị nguồn tài trợ ngắn hạn; Quản trị tài sản dài hạn; Nguồn huy động vốn trong doanh nghiệp; Chi phí sử dụng vốn và cơ cấu nguồn vốn trong doanh nghiệp.

38. Kế toán quản trị

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Kế toán quản trị và môi trường kinh doanh; Phân loại chi phí; Hệ thống hạch toán chi phí sản xuất; Hình thái chi phí; Phân tích chi phí – sản lượng – lợi nhuận; Chi phí biến đổi – công cụ của quản lý; Hạch toán chi phí theo hoạt động; Dự toán sản xuất kinh doanh; Chi phí phù hợp cho việc ra quyết định; Hình thái chi phí

39. Khởi sự kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khởi sự và tinh thần kinh doanh: Kỹ năng hình thành ý tưởng kinh doanh của người khởi sự kinh doanh, các khâu công việc cơ bản trong quá trình soạn thảo kế hoạch kinh doanh, kỹ thuật và các nội dung cần làm khi thành lập doanh nghiệp, kỹ năng cơ bản tái lập doanh nghiệp, tinh thần kinh doanh.

40. Quản trị sự thay đổi

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về sự thay đổi và quản trị sự thay đổi; Các nhân tố tác động và các bước tiến hành thay đổi; Thực hiện thay đổi; Thích ứng với sự thay đổi; Hướng tới sự thay đổi liên tục.

41. Thị trường chứng khoán

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về thị trường chứng khoán; Hàng hoá trên thị trường chứng khoán; Thị trường chứng khoán sơ cấp; Thị trường chứng khoán thứ cấp; Phân tích chứng khoán.

42. Quản trị truyền thông

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần Quản trị Truyền thông trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Truyền thông trong doanh nghiệp, với các nội dung chính như: Nghiên cứu đối tượng truyền thông, soạn thảo thông điệp truyền thông sáng tạo, sử dụng công cụ truyền thông phù hợp, quản trị quá trình thực hiện một cách chặt chẽ và hiệu quả.

43. Quản trị dự án

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về quản lý dự án đầu tư; Mô hình tổ chức quản trị dự án; Lập kế hoạch dự án đầu tư; Quản trị thời gian và tiến độ dự án; Phân phối các nguồn lực cho dự án; Dự toán ngân sách và quản trị chi phí dự án; Quản trị chất lượng dự án; Giám sát, đánh giá và quản trị rủi ro dự án.

44. Quản trị chất lượng

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này gồm các nội dung về khách hàng và sự thỏa mãn của khách hàng, chất lượng và quản trị chất lượng, chi phí chất lượng, hệ thống chất lượng, tiêu chuẩn hóa, đo lường, đảm bảo và cải tiến chất lượng; kiểm soát, cải tiến chất lượng bằng thống kê; và quản trị hoạt động đào tạo về quản trị chất lượng, xây dựng văn hóa chất lượng.

45. Thương mại điện tử

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này bao gồm các nội dung như khái niệm, vai trò và lịch sử phát triển của thương mại điện tử, các cơ sở hạ tầng thiết yếu của thương mại điện tử, các phương thức kinh doanh thương mại điện tử, giao dịch điện tử, marketing điện tử; các vấn đề an ninh và phòng tránh rủi ro trong thương mại điện tử.

46. Logistics

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần Logistics trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các hoạt động logistic trong doanh nghiệp, bao gồm các nội dung chính: dịch vụ khách hàng trong logistic, hệ thống thông tin logistic, những vấn đề cơ bản về vận tải, các quyết định vận tải, quyết định dự trữ, quyết định mua và cung ứng, tổ chức logistic, kiểm soát logistic.

47. Quản trị rủi ro kinh doanh

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản nhất liên quan đến hoạt động quản trị rủi ro như các nguyên tắc trong quản trị rủi ro, đặc biệt là quản trị rủi ro trong các nghiệp vụ kinh doanh. Một số rủi ro đặc thù như rủi ro hoạt động, rủi

ro thương hiệu, rủi ro trong đầu tư,... cũng được giới thiệu trong học phần để sinh viên có thêm hiểu biết và kinh nghiệm cụ thể về quản trị rủi ro đối với những đối tượng này.

48. Tiếng Anh chuyên ngành quản trị kinh doanh

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này trang bị cho sinh viên từ vựng, thuật ngữ tiếng anh chuyên ngành quản trị kinh doanh, kỹ năng đọc hiểu, giao tiếp, dịch các bài đọc, tài liệu tiếng anh chuyên ngành quản trị kinh doanh ở mức độ cơ bản, kỹ năng giao tiếp về các lĩnh vực marketing quốc tế, lập kế hoạch doanh nghiệp, hành vi tổ chức, kỹ năng quản lý và lãnh đạo....

49. Thực hành TOEIC

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Giúp sinh viên tiếp cận với tiếng Anh Toeic căn bản thông qua từng chủ điểm ngữ pháp chính; Giúp sinh viên luyện tập kỹ năng làm bài cũng như phát triển vốn từ vựng, khả năng nghe đọc qua các bài mini test

50. Phân tích và xử lý dữ liệu với SPSS

Số tín chỉ: 02

Học phần Phân tích và xử lý dữ liệu với SPSS cung cấp một cách có hệ thống các kỹ năng cần thiết khi phân tích dữ liệu sơ cấp và dữ liệu thứ cấp, bao gồm: Cách tổ chức và nhập liệu cho các dữ liệu sơ cấp thu thập trong các cuộc điều tra thống kê; Cách trình bày tóm tắt dữ liệu nghiên cứu bằng bảng biểu, đồ thị, đại lượng thống kê...; các phương pháp phân tích dữ liệu trên một biến hoặc nhiều biến kết hợp với nhau.

51. Phần mềm quản trị kinh doanh

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp những kiến thức sau: Tổng quan về hệ thống thông tin và hệ thống phần mềm quản trị doanh nghiệp; Giới thiệu các phân hệ của hệ thống quản trị nguồn lực doanh nghiệp; Khái quát mô hình hóa quy trình kinh doanh; Thực hành các phân hệ điển hình của hệ thống quản trị nguồn lực doanh nghiệp.

52. Kỹ năng lãnh đạo và ra quyết định kinh doanh

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Khái quát về người lãnh đạo và hoạt động lãnh đạo trong tổ chức; Tâm lý trong hoạt động lãnh đạo; Kỹ năng động viên nhân viên làm việc; Kỹ năng ra quyết định.

53. Kỹ năng giao tiếp và đàm phán kinh doanh

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Giao tiếp kinh doanh và đặc trưng của giao tiếp kinh doanh, các nguyên tắc sử dụng trong giao tiếp kinh doanh và chức năng của giao tiếp, cấu trúc của hoạt động giao tiếp, các kỹ năng giao tiếp kinh doanh; Khái niệm, đặc trưng của đàm phán kinh doanh, các giai đoạn trong tiến trình đàm phán kinh doanh; kỹ thuật đột phá thế Găng trong đàm phán kinh doanh.

54. Kỹ năng làm việc và quản trị nhóm trong kinh doanh

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về kỹ năng làm việc nhóm và quản trị nhóm trong kinh doanh: Khái niệm, vai trò của nhóm trong kinh doanh; Cách thức tổ chức hoạt động của nhóm trong kinh doanh; Lãnh đạo nhóm kinh doanh; Các kỹ năng giúp nâng cao hiệu quả làm việc nhóm và làm việc trong nhóm đa văn hóa.

55. Tín dụng và thanh toán

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tín dụng ngân hàng; Tín dụng quốc tế; Thanh toán trong nước; Thanh toán quốc tế.

56. Kỹ năng ứng xử và phỏng vấn việc làm

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần giới thiệu các nội dung kiến thức về quy trình tuyển dụng, vai trò, nguyên tắc của việc ứng xử và phỏng vấn xin việc; Các kỹ năng chuẩn bị cho buổi phỏng vấn xin việc, giao tiếp ứng xử trong khi phỏng vấn xin việc và kỹ năng ứng xử trong thời gian tuyển dụng và sau khi được tuyển dụng chính thức.

57. Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các phương thức kinh doanh thương mại quốc tế; Ký kết và thực hiện hợp đồng thương mại quốc tế; Các điều kiện và phương thức thanh toán quốc tế.

58. Kế hoạch kinh doanh

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về kế hoạch kinh doanh; Xây dựng kế hoạch kinh doanh; Xây dựng kế hoạch kinh doanh cho khởi nghiệp; Xây dựng kế hoạch kinh doanh cho doanh nghiệp sản xuất; Xây dựng kế hoạch kinh doanh cho doanh nghiệp phân phối; Xây dựng kế hoạch kinh doanh cho doanh nghiệp cung ứng dịch vụ; Xây dựng kế hoạch kinh doanh cho mở rộng hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

59. Công ty đa quốc gia và chiến lược kinh doanh toàn cầu

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về đặc điểm và hoạt động của công ty đa quốc gia, quyết định thâm nhập thị trường toàn cầu và chiến lược kinh doanh toàn cầu; Những thách thức mà công ty đa quốc gia phải đối mặt khi tham gia vào hoạt động kinh doanh toàn cầu: sự đa dạng của môi trường hoạt động với những yếu tố kinh tế, chính trị, văn hóa, pháp luật....

2.6. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

2.6.1. Thiết bị phục vụ học tập

Trường đại học Lao động - Xã hội có 03 cơ sở đào tạo (tại Hà Nội, tại Sơn Tây và tại Thành phố Hồ Chí Minh) với tổng diện tích 10,6 ha. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học được đầu tư đồng bộ và nâng cấp hàng năm để đáp ứng đủ tiêu chuẩn của một cơ sở đào tạo đại học. Hiện nay tại 3 cơ sở trường có 155 phòng học lý thuyết với diện tích trung bình từ 80 đến 100m², 16 phòng thực hành các loại, 16 phòng máy tính với tổng số gần 700 máy tính được kết nối mạng LAN và mạng Internet phục vụ cho việc dạy và học.

Bảng 2.4: Thiết bị phục vụ đào tạo

STT	Tên thiết bị, cơ sở vật chất	Năm sản xuất	Số lượng	Ghi chú
I.	Phòng máy tính			
1	Phòng máy tính E202.T2			Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
1.1	Máy tính FPT	2015	41	
1.2	Máy chiếu CPX4015	2014	1	
1.3	Điều hòa Daikin 44.500 BTU	2003	1	
2	Phòng máy tính E302.T3			Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
2.1	Máy tính FPT	2015	41	
2.2	Máy chiếu CPX4015	2014	1	
2.3	Điều hòa Daikin 44.500 BTU	2003	1	
3	Phòng máy tính E403			Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
3.1	Máy tính CMS	2013	41	
3.2	Máy chiếu	2013	1	
3.3	Amply + loa + mic	2013	1	
3.4	Điều hòa Daikin 12.000 BTU	2013	2	

STT	Tên thiết bị, cơ sở vật chất	Năm sản xuất	Số lượng	Ghi chú
3.5	Ổn áp lioa	2013	1	
4	Phòng máy tính E404			
4.1	Máy tính CMS	2013	41	Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
4.2	Máy chiếu	2013	1	
4.3	Amply + loa + mic	2013	1	
4.4	Điều hòa Daikin 12.000 BTU	2013	2	
4.5	Ổn áp lioa	2013	1	
5	Phòng máy tính E404.T4			
5.1	Máy tính CMS	2013	41	Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
5.2	Máy chiếu 3M	2009	1	
5.3	Điều hòa Daikin 44.500 BTU	2003	1	
6	Phòng máy tính E501			
6.1	Máy tính CMS	2013	41	Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
6.2	Máy chiếu 3M	2009	1	
6.3	Điều hòa Daikin 44.500 BTU	2003	1	
7	Phòng máy tính E502			
7.1	Máy tính ĐNA	2006	16	Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
7.2	Máy tính FPT	2014	24	
7.3	Máy chiếu Hitachi	2014	1	
7.4	Điều hòa Daikin 44.500 BTU	2003	1	
8	Phòng máy tính E503A			
8.1	Máy tính ĐNA	2009	13	Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
8.2	Máy tính ĐNA	2010	10	
8.3	Máy tính ĐNA	2011	28	
8.4	Máy chiếu CPX4015	2014	1	
8.5	Điều hòa Daikin 44.500 BTU	2003	1	
9	Phòng máy tính E503B			
9.1	Máy tính ĐNA	2009	40	Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế

STT	Tên thiết bị, cơ sở vật chất	Năm sản xuất	Số lượng	Ghi chú
9.2	Máy tính DNA	2006	1	lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
9.3	Máy chiếu Panasonic	2009	1	
9.4	Điều hòa Daikin	2003	1	
10	Phòng máy tính 401-B3			Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
10.1	Máy tính TAC	2014	35	
10.2	Máy chiếu BenQ	2014	1	
10.3	Điều hòa Sanyo 12000 BTU	2014	2	
10.4	Loa + Míc Petech	2008	1	
11	Phòng máy tính 402-B3			Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
11.1	Máy tính TAC	2015	40	
11.2	Điều hòa Panasonic 12.000 BTU	2015	2	
11.3	Điều hòa Sanyo 12000 BTU		1	
11.4	Loa + Míc Petech		1	
12	Phòng máy tính 403-B3			Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
12.1	Máy tính TAC	2016	40	
12.2	Điều hòa Panasonic 12.000 BTU	2015	2	
12.3	Ổn áp lioa	2016	1	
13	Phòng máy tính 404-B3			Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
13.1	Máy tính TAC	2016	40	
13.2	Điều hòa Panasonic 12.000 BTU	2016	2	
14	Phòng máy tính 405-B3			Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
14.1	Máy tính TAC	2016	40	
14.2	Điều hòa Panasonic 12.000 BTU	2016	2	
14.3	Ổn áp lioa	2016	1	
II.	Phòng LAP			Tiếng anh Cơ bản; Tiếng Anh chuyên ngành; Thực hành TOEIC, ...
1	Phòng LAP E401			
1.1	Máy tính FPT	2013	36	
1.2	Tai nghe	2013	36	
1.3	Điều hòa Daikin	2003	1	

STT	Tên thiết bị, cơ sở vật chất	Năm sản xuất	Số lượng	Ghi chú
2	Phòng LAP E402			
1.1	Máy tính FPT	2013	36	
1.2	Tai nghe	2013	36	
1.3	Điều hòa Daikin	2003	1	
3	Phòng LAP 301-B3			
3.1	Máy tính TAC	2014	37	
3.2	Tai nghe	2014	37	
3.3	Điều hòa Toshiba 12.000 BTU	2014	1	
3.4	Ổn áp Lioa	2014	1	
4	Phòng LAP 302-B3			
4.1	Máy tính TAC	2015	36	
4.2	Tai nghe	2015	36	
4.3	Điều hòa Panasonic 12.000 BTU	2014	1	
4.4	Loa + Mic Petech	2008	1	
III.	Thiết bị phòng học			Các học phần còn lại
1	Amplify + loa + mic	2014	7	
2	Amplify + loa + mic	2013	33	
3	Amplify + loa + mic	2010	5	
4	Amplify + loa + mic	2009	10	
5	Amplify + loa + mic	2008	1	
6	Amplify + loa + mic	2007	1	
7	Amplify + loa + mic	2005	3	
8	Amplify + loa + mic	2003	7	
9	Máy tính giáo viên	2013	15	
10	Máy tính giáo viên	2009	2	
11	Máy tính giáo viên	2008	10	
12	Máy chiếu	2015	8	
13	Máy chiếu	2013	14	
14	Máy chiếu	2009	2	
15	Máy chiếu	2008	3	
16	Loa + Mic Petech	2008	8	

STT	Tên thiết bị, cơ sở vật chất	Năm sản xuất	Số lượng	Ghi chú
17	Loa + mic (2 mic)	2016	2	
18	Amply + loa + mic (2 mic)	2017	21	
19	Máy tính giáo viên (Laptop)	2009	2	
20	Máy tính giáo viên (Laptop)	2011	8	
21	Máy chiếu	2009	5	
22	Máy chiếu	2015	2	
23	Máy chiếu	2007	5	

2.6.2. Thư viện

Thư viện tại 3 cơ sở có phòng đọc đảm bảo 1500 chỗ ngồi, với hơn 100.000 đầu sách và hàng trăm loại báo chí chuyên ngành phục vụ cho giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên.

Bảng 2.5: Danh sách giáo trình, sách sử dụng cho học tập và nghiên cứu

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia	2017
		Tài liệu hướng dẫn ôn tập Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin - Phần I	Trường Đại học Lao động - Xã hội	Lao động xã hội	2016
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin (Dùng cho sinh viên Đại học, Cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia	2012
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh, (Dành cho sinh viên đại học cao đẳng khối không	Bộ Giáo dục và đào tạo	Chính trị quốc gia	2013

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
		chuyên ngành Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh			
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia	2017
5	Tiếng Anh cơ bản 1	Clive Oxeden et.al. New English Files Pre- intermediate- Student book. www.oup.com/elt/englishfile/elementary .	Oxford University Press		2004
		Clive Oxeden et.al. New English Files Pre- intermediate - Workbook...	Oxford University Press		2004
6	Tiếng Anh cơ bản 2	Clive Oxeden et.al. New English Files Pre- intermediate- Student book. www.oup.com/elt/englishfile/elementary .	Oxford University Press		2004
		Clive Oxeden et.al. New English Files Pre- intermediate - Workbook...	Oxford University Press		2004
7	Tin học cơ bản 1	Giáo trình Tin học cơ bản 1	Nguyễn Thị Sinh Chi	Lao động Xã hội	2014
8	Tin học cơ bản 2	Bài giảng Tin học cơ bản 2	Nguyễn Thị Sinh Chi	Lao động Xã hội	2010
		Bài tập Tin học cơ bản 2	Nguyễn Thanh Huyền, Bùi Thị Hồng Dung.		2017
9	Toán cao cấp 1	Toán cao cấp và ứng	Nguyễn Thị Nga	Dân Trí	2016

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
		dụng trong kinh tế			
		Bài tập Toán cao cấp	Nguyễn Thị Nga	Dân Trí	2017
10	Toán cao cấp 2	Toán cao cấp và ứng dụng trong kinh tế	Nguyễn Thị Nga	Dân Trí	2016
		Bài tập Toán cao cấp	Nguyễn Thị Nga	Dân Trí	2017
11	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Bài giảng Lý thuyết xác suất thống kê toán	Nguyễn Thu Hương	Lao động Xã hội	2009
		Hướng dẫn giải bài tập xác suất thống kê	Trần Thị Phong Thanh	Lao động Xã hội	2010
12	Pháp luật đại cương	Tập bài giảng Pháp luật đại cương	Trần Thu Thủy và Đào Xuân Hội	Lao động Xã hội	2011
		Bộ câu hỏi và bài tập Pháp luật đại cương	Nguyễn Thị Tuyết Vân	Lao động Xã hội	2009
13	Giáo dục thể chất	Thực hiện theo QĐ 1181/QĐ-ĐHLDXH ngày 14/7/2017			
14	Giáo dục quốc phòng	Thực hiện theo QĐ 1133/QĐ-ĐHLDXH ngày 25/5/2018			
15	Soạn thảo văn bản	Giáo trình Soạn thảo văn bản	Phạm Hải Hưng	Lao động Xã hội	2011
		Bộ văn bản mẫu và bài tập soạn thảo văn bản	Phạm Hải Hưng	Lao động Xã hội	2011
16	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Vũ Cao Đàm	Giáo dục Việt Nam, Hà Nam.	2012
17	Logic học	Logic học đại cương	Nguyễn Như Hải	Giáo dục	2009
18	Tâm lý học đại cương	Tâm lý học đại cương	Nguyễn Quang Uẩn	ĐHQG HN	2010
		Tâm lý học đại cương	Lý Thị Hàm	Lao động Xã hội	2010
19	Kinh tế vi mô	Bài giảng Nguyên lý Kinh tế vi mô	Lương Xuân Dương và Trần Văn Hòe	Lao động xã hội	2012

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
		Bài tập Kinh tế vi mô	Lương Xuân Dương	Lao động Xã hội	2012
20	Kinh tế vĩ mô	Giáo trình nguyên lý Kinh tế vĩ mô	Nguyễn Văn Công	NXB Lao động	2012
		Giáo trình kinh tế vĩ mô	Hoàng Thanh Tùng, Lương Xuân Dương		2018
		Bài tập kinh tế vĩ mô	Lương Xuân Dương	Lao động Xã hội	2012
21	Nguyên lý thống kê	Giáo trình nguyên lý thống kê	Trường Đại học Lao động - Xã hội	Lao động Xã hội	2015
22	Luật Kinh tế	Đề cương chi tiết môn Luật kinh tế	Khoa Luật, Trường Đại học Lao động – Xã hội		2018
		Bộ câu hỏi và bài tập Luật kinh tế	Nguyễn Thị Tuyết Vân	Lao động Xã hội	2010
23	Marketing căn bản	Marketing Căn bản	Trần Minh Đạo	Đại học Kinh tế Quốc dân	2015
		Marketing Căn bản	Phillip Kotler	Lao động Xã hội	2007
		Nguyên lý tiếp thị	Philip Kotler và Gary Armstrong	Lao động xã hội	2012
24	Nguyên lý kế toán 1	Giáo trình Nguyên lý kế toán	Nghiêm Văn Lợi,	Tài chính	2010
		Bài tập Nguyên lý kế toán 1	Phan Thị Thu Mai		2018
		Accounting Principles With Working Papers	Hermanson, Edwards & Maher	Von Hoffmann Press, Boston	1992
		Principles of Accounting,	John G. Helmkamp,	John Wiley & Son, Inc,	1983

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
			Leroy F. Imdieke and Palph E. Smith	New York.	
		Tài liệu dịch Nguyên lý kế toán 1,2,3	Khoa KT	Lưu hành nội bộ	2017
		Bài giảng nguyên lý kế toán 1	Khoa KT	Lưu hành nội bộ	2016
25	Quản trị học	Giáo trình Quản trị học	Đoàn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Tài chính	2011
		Quản lý học	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Kinh tế quốc dân	2012
26	Tài chính - Tiền tệ	Giáo trình Tài chính - Tiền tệ,	Khoa Kế toán - Trường Đại học Lao động xã hội	Tài chính	2007
		Tiền và hoạt động ngân hàng,	Lê Vinh Danh	NXB Chính trị quốc gia - sự thật	
		Giáo trình Tài chính - tiền tệ	Sử Đình Thành	Lao động xã hội	2008
		Giáo trình Tiền tệ ngân hàng	Nguyễn Minh Kiều	Thống kê	
27	Lý thuyết tổ chức	Tài liệu dịch: Organization Theory and Design, Tenth Edition.	Richard L. Daft		
		Organization Theory and Design, Tenth Edition	Richard L. Daft		
		Lý thuyết tổ chức (xuất bản lần 2)	PGS.TS. Nguyễn Hữu Tri	Chính trị Quốc gia	2013
28	Kinh tế quốc tế	Giáo trình Kinh tế quốc tế	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Đại học KTQD	2012
29	Kinh tế lượng	Giáo trình Kinh tế lượng	Nguyễn Quang Dong và Nguyễn	Đại học Kinh tế	2012

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
			Thị Minh	Quốc dân	
		Basic Econometrics- Fourth Edition	Damodar N. Gujarati	McGraw- Hill Inc	2004
30	Văn hóa doanh nghiệp	Giáo trình Văn hóa kinh doanh	Dương Thị Liễu	Đại học Kinh tế Quốc Dân	2013
		Giáo trình Văn hóa doanh nghiệp	Đỗ Thị Phi Hoài	Học viện Tài chính	2011
31	Kinh tế phát triển	Giáo trình Kinh tế phát triển	TS. Lương Xuân Dương	Lao động xã hội	2011
		Bài tập Kinh tế phát triển	TS. Lương Xuân Dương	Lao động xã hội	2010
32	Quản trị chiến lược	Giáo trình Quản trị chiến lược	PGS.TS Ngô Kim Thanh	ĐH Kinh tế quốc dân	2012
		Quản trị chiến lược	PGS.TS Lê Thế Giới, TS Nguyễn Thanh Liêm, Ths Trần Hữu Hải	Thống Kê	2009
33	Quản trị marketing	Quản trị Marketing	Phillip Kotler	Lao động xã hội	2013
		Quản trị Marketing	PGS.TS. Trần Văn Hòe, TS. Doãn Thị Mai Hương	Trường Đại học Lao động - Xã hội	2017
		Quản trị Marketing trong doanh nghiệp	PGS. TS. Trương Đình Chiến	Thống kê	2015
34	Quản trị sản xuất	Quản trị Tác nghiệp	TS. Trương Đức Lực và TS. Nguyễn Đình Trung	Đại học Kinh tế quốc dân	2013
		Bài tập Quản trị Sản xuất - tác nghiệp	Ths. Nguyễn Đình Trung	Tài chính	2011
35	Quản trị chuỗi cung ứng	Giáo trình “Quản trị chuỗi cung ứng”	PGS.TS. Trần Văn Hòe, TS. Hoàng Thanh		

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
			Tùng, Trường Đại học Lao động - Xã hội		
36	Quản trị nhân lực	Giáo trình Quản trị nhân lực (tập 1)	Lê Thanh Hà	Lao động xã hội	2009
		Giáo trình Quản trị nhân lực (tập 2)	Lê Thanh Hà	Lao động xã hội	2009
		Giáo trình Định mức lao động	. Nguyễn Tiệp	Lao động xã hội	2008
		Giáo trình Tiền lương - tiền công	. Nguyễn Tiệp	Lao động xã hội	2003
		Bài tập Quản trị nhân lực (tập 1)	Nguyễn Thị Hồng	Lao động xã hội	2008
		Bài tập Quản trị nhân lực (tập 2)	Nguyễn Thị Hồng	Lao động xã hội	2012
		Bộ bài tập Định mức lao động	Lê Thanh Hà; Nguyễn Thị Hồng	Lao động xã hội	2012
37	Quản trị tài chính doanh nghiệp	Giáo trình Quản trị tài chính doanh nghiệp	Khoa Kế toán Trường Đại học Lao động Xã hội	Tài chính	2007
		Câu hỏi và bài tập Quản trị Tài chính doanh nghiệp		Tài chính	2011
		Quản trị tài chính	Eugene F.Brigham, Joe F. Houston	Đại học Florida	
		Giáo trình Tài chính doanh nghiệp	Lưu Thị Hương	Thống kê	2003
		Giáo trình Tài chính doanh nghiệp	Nguyễn Đình Kiệm, Bạch Đức Hiển	Tài chính	2011
38	Kế toán quản trị	Giáo trình Kế toán quản trị		Tài chính	2010
		Managerial Accounting 12e	R. Garrison and E. Noreen	Nhà xuất bản	2008

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
				McGrawhil l	
39	Khởi sự kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp	Giáo trình khởi sự kinh doanh và tái lập doanh nghiệp	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Huyền	Đại học kinh tế quốc dân	2011
		Tinh thần doanh nhân khởi sự và sự đổi mới	Peter F. Drucker	Đại học kinh tế quốc dân	2011
40	Quản trị sự thay đổi	Thay đổi và phá triển doanh nghiệp	Nguyễn Ngọc Huyền	Phụ nữ	2009
		Quản lý sự thay đổi và chuyển tiếp	Thành phố Hồ Chí Minh		
		Quản lý sự thay đổi	Thành phố Hồ Chí Minh		
		Exploring Strategic Change, 3rd ed	Balogun, J. & Hailey, V. H	Financial Times Prentice Hall: Harlow	2008
		Organisational Behaviour, 6th ed	Huczynski, A. A. & Buchanan, D. A	Pearson Education: Milan	2007
41	Thị trường chứng khoán	Báo cáo tài chính: phân tích, dự báo và định giá	Phạm Thị Thủy, Nguyễn Thị Lan Anh	Đại học kinh tế quốc dân	2012
		Giáo trình thị trường chứng khoán	Học viện Tài chính	Tài chính	2008
		Quản trị tài chính	Eugene F.Brigham, Joe F. Houston	Đại học Florida	
		Giáo trình Thị trường chứng khoán	Đại học Kinh tế quốc dân		2009
42	Quản trị truyền thông	Quản trị truyền thông marketing tích hợp	Lưu Đan Thọ	Tài chính	2016

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
43	Quản trị dự án	Giáo trình Quản lý dự án	PGS.TS. Từ Quang Phương	Đại học Kinh tế Quốc dân	2014
		Quản trị Dự án Đầu tư	Nguyễn Xuân Thủy – Trần Việt Hoa – Nguyễn Việt Ánh	Thống kê	2009
		Phân tích kinh tế dự án đầu tư. Ấn bản thứ 5	Vũ Công Tuấn	Tài Chính	
44	Quản trị chất lượng	Giáo trình Quản trị chất lượng	Nguyễn Đình Phan, Đặng Ngọc Sự	Đại học Kinh tế Quốc dân	2012
		Bài tập Quản trị Chất lượng	Đỗ Thị Đông	Đại học Kinh tế Quốc dân	2013
45	Thương mại điện tử	Giáo trình Thương mại Điện tử Căn Bản	Trần Văn Hoè	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	2015
		Giáo trình Thương mại Điện tử Căn Bản	Nguyễn Văn Minh, Trần Hoài Nam, Chử Bá Quyết	Thống kê	2011
46	Logistics	Giáo trình quản trị logistic	Đặng Đình Đào, Trần Văn Bảo, Phạm Cảnh Huy, Đặng Thị Thúy Hồng	Tài chính	2018
47	Quản trị rủi ro kinh doanh	Quản trị rủi ro và khủng hoảng	Đoàn Thị Hồng Vân	Lao Động - Xã Hội	2009
		Enterprise Risk Management: A Common Framework for the Entire Organization	Philip E. J. Green	Elsevier	2016
48	Tiếng Anh	Tiếng Anh chuyên		Lao động	2014

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
	chuyên ngành quản trị kinh doanh	ngành Quản trị kinh doanh		xã hội	
49	Thực hành TOEIC	Beginning TOEIC Test- taking skills: Very easy TOEIC (second edition)	Anne Taylor, Garrett Byrne	Nhà xuất bản trẻ.	
50	Phân tích và xử lý dữ liệu với SPSS	Tài liệu giảng dạy “Phân tích dữ liệu với SPSS	Ngô Anh Cường		
		Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS	Hoàng Trọng – Chu Nguyễn Mộng Ngọc	Hồng Đức	2008
51	Phần mềm quản trị kinh doanh	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin quản trị xí nghiệp toàn tập: tập 1 – Kế toán đại cương và các hệ thống thông tin quản trị xí nghiệp số	Dương Quang Thiện	Tổng hợp TP.HCM	2006
		Concepts in Enterprise Resource Planning, Third Edition	Ellen Monk, Bret Wagner	Course Technology Cengage Learning	2008
52	Kỹ năng lãnh đạo và ra quyết định kinh doanh	Nghệ thuật lãnh đạo	Nguyễn Thanh Hội	Đại học Kinh tế Quốc dân	2012
		Kỹ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề	John Adair (Bích Nga và Lan Nguyễn dịch)	Tổng hợp Tp Hồ Chí Minh	2008
53	Kỹ năng giao tiếp và đàm phán kinh doanh	Bài giảng “Giao tiếp và đàm phán kinh doanh”	Trần Văn Hòe		2017
		Kỹ năng giao tiếp và thương lượng trong kinh doanh	Thái Trí Dũng	Thống kê	2013
54	Kỹ năng làm việc và quản	Xây dựng và phát triển nhóm làm việc	Vũ Hoàng Ngân, Trương Thị Nam	Phụ Nữ	2009

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
	trị nhóm trong kinh doanh		Thắng		
		Xây dựng nhóm làm việc hiệu quả - Cẩm nang kinh doanh Harvard	Trần Bích Nga, Phạm Ngọc Sáu, Nguyễn Thị Thu Hà	Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh	2006
55	Tín dụng và thanh toán	Tín dụng và thẩm định tín dụng	Nguyễn Minh Kiều	Tài Chính	2007
		Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	Nguyễn Minh Kiều	Thống Kê	2007
		Thanh toán quốc tế	Trần Hoàng Ngân	Kinh tế TPHCM	2013
56	Kỹ năng ứng xử và phỏng vấn việc làm	Đề không bị nhà tuyển dụng bỏ lỡ	Anpha Book	Lao động xã hội	2010
57	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	Trần Văn Hòe	Đại học Kinh tế quốc dân	2012
		Incoterms 2010	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam	Thông tin và Truyền thông	2012
58	Kế hoạch kinh doanh	Lập và phát triển kế hoạch kinh doanh	TS. Trần Văn Hòe		
		Business Plan Handbook, volume 12	Lynn M. Pearce	Thomson Gale	2012
59	Công ty đa quốc gia và chiến lược kinh doanh toàn cầu	Giáo trình Kinh doanh quốc tế (tập 1,2)	Nguyễn Thị Hường	Thống kê	2011

III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Chương trình Quản trị kinh doanh trình độ đại học

Chương trình Quản trị kinh doanh trình độ đại học, đối tượng tuyển sinh là học sinh đã học xong chương trình PTTH hoặc tương đương. Trong chương trình, các học phần đã được bố trí vào các kỳ theo mối quan hệ giữa các học phần và do vậy phải được thực hiện đúng theo các điều kiện tiên quyết.

3.2. Giờ quy đổi

Giờ quy đổi được tính như sau:

1 TC = 15 tiết giảng lý thuyết trên lớp;

= 30 tiết thực hành, thảo luận;

= 60 giờ thực tập tại cơ sở, làm đồ án hoặc khoá luận tốt nghiệp.

Để thực hiện 1 TC lý thuyết, thực hành, thảo luận, sinh viên cần 30 giờ chuẩn bị.

Để thực hiện 1 tín chỉ lý thuyết (trừ các học phần GDTC, GDQP-AN), cán bộ giảng dạy dành 2 tiết tiếp xúc và đánh giá tự học của SV.

3.3. Mã các học phần

Mã các học phần được xây dựng theo quy định chung như sau: Các học phần được mã hoá bằng bộ mã với 09 kí tự (X1X2X3X4X5 X6X7X8X9). Trong đó:

- X1X2X3X4 : Kí hiệu tên học phần. Tên mỗi học phần được viết tắt bằng 04 (bốn) kí tự là chữ cái in hoa tiếng Việt và chữ số (nếu cần)

VD: - MLN1: Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin 1

- DSMT: Dân số và môi trường

- X₅X₆ : Kí hiệu tên đơn vị quản lý học phần.

TÊN ĐƠN VỊ	MÃ ĐƠN VỊ
Khoa Kế toán	01
Khoa Quản lý nguồn nhân lực	02
Khoa Công tác Xã hội	03
Khoa Bảo hiểm	04
Khoa Quản trị Kinh doanh	05
Khoa Ngoại ngữ	06
Khoa Lý luận Chính trị	07
Khoa Sau đại học	08
Khoa Kỹ thuật chỉnh hình	09
Khoa Luật	10
Bộ môn Toán	11
Khoa Công nghệ thông tin	12

Bộ môn Thống kê	13
Bộ môn GDTC-QP	14

- X₇ : Trình độ đào tạo:

- 1: Trình độ cao học
- 2: Trình độ đại học
- 3: Trình độ cao đẳng
- 4: Trình độ cao học và đại học
- 5: Trình độ đại học và cao đẳng

- X₈: Số tín chỉ, cụ thể như sau:

1: 01 TC; 2: 02 TC; 3: 03 TC; 4: 04 TC.

- X₉: Loại học phần

L-Lý thuyết

T-Thực hành

H-Hỗn hợp (kết hợp lý thuyết với thực hành, thảo luận)

K-Khoá luận

VD: Mã học phần: MLN10753H có nghĩa là: Học phần Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin 1 (MLN1); do khoa Lý luận chính trị quản lý (07); dùng cho trình độ đại học và cao đẳng (5); thời lượng 3 TC (3); Học phần này thuộc loại hỗn hợp (H).

3.4. Giải thích các số trong dấu ngoặc đơn bên cạnh số tín chỉ:

Ví dụ: 2(12,36,60)

- Số thứ nhất (12): số tiết lý thuyết học trên lớp.
- Số thứ hai (36): số tiết thảo luận hoặc thí nghiệm hoặc thực hành
- Số thứ ba (60): số giờ chuẩn bị.

3.5. Giải thích mục “Điều kiện”:

(a): Học phần học trước

Để có thể đăng ký học học phần thuộc cột “Tên học phần” thì sinh viên đã phải học học phần ghi trong cột “Điều kiện” nhưng không nhất thiết phải có kết quả đạt.

(b): Học phần tiên quyết

Để có thể đăng ký học học phần thuộc cột “Tên học phần” thì sinh viên đã phải học học phần ghi trong cột “Điều kiện” và phải có kết quả đạt.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Hà Xuân Hùng